

Biểu số: 0401.N.TĐKT

*Kèm theo Thông tư số
18/2025/TT-BNV ngày 08
tháng 10 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ*

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15
tháng 12 năm báo cáo

SỐ PHONG TRÀO THI

ĐUA

Năm...

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo: Ban
Thi đua - Khen thưởng Trung
ương

Đơn vị tính: Phong trào

Diễn giải	Mã số	Tổng số	Số phong trào thi đua chia theo cấp chủ trì phát động			
			Toàn quốc	Bộ, ban, ngành đoàn thể, địa phương	Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức	Cơ quan, tổ chức, đơn vị
A	B	1=(2+3+4+5)	2	3	4	5
Tổng số	1					
1. Chia theo thời hạn thi đua						
- Dưới 1 năm	02					
- Từ 1 năm đến dưới 3 năm	03					
- Từ 3 năm đến dưới 5 năm	04					
- Từ 5 năm trở lên	05					
2. Chia theo phương thức tổ chức phong trào thi đua						
- Thi đua theo chuyên đề	06					
- Thi đua thường xuyên	06					

Biểu số 0401.N.TĐKT: Số phong trào thi đua

1. Khái niệm, phương pháp tính

Phong trào thi đua là hoạt động có tổ chức do người có thẩm quyền phát động với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Phương pháp tính: Thống kê các phong trào thi đua do cấp trung ương; cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số phong trào thi đua tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

Cột 2: Ghi số phong trào thi đua toàn quốc tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

Cột 3: Ghi số phong trào thi đua Bộ, ban, ngành đoàn thể, địa phương phát động tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

Cột 4: Ghi số phong trào thi đua Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức phát động tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

Cột 5: Ghi số phong trào thi đua cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.